



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 33

Ngày 14 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

		Trang
04-6-2021	Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.	02
04-6-2021	Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	05

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

04-6-2021	Quyết định số 1370/QĐ-UBND tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế.	52
04-6-2021	Quyết định số 1371/QĐ-UBND tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế.	54

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông như sau:

1. Sửa đổi Điều a, Khoản 1, Điều 3 như sau:

“Sở Thông tin và Truyền thông có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Sở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định”.

Điều 2. Tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông như sau:

1. Hợp nhất “Văn phòng” và “Phòng Kế hoạch - Tài chính” thành “Văn phòng”;
2. Sau khi tổ chức lại, Sở Thông tin và Truyền thông có cơ cấu tổ chức các phòng và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc như sau:

a) Phòng chuyên môn thuộc Sở, gồm:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Bưu chính - Viễn thông;
- Phòng Công nghệ thông tin;
- Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh.

Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và bãi bỏ Điều a, Khoản 1, Điều 3; Khoản 2, Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các phòng chuyên môn thuộc Sở theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định khác có liên quan đảm bảo cho công tác điều hành, hoạt động của Sở theo đúng quy định của pháp luật.

b) Rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm đối với cơ quan hành chính; danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định. Chỉ đạo xây dựng phương án tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Chỉ đạo, quản lý chặt chẽ và thực hiện chuyển giao tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu không để xảy ra lãng phí, thất thoát; đảm bảo các hoạt động diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và của đơn vị trực thuộc Sở.

d) Thực hiện bố trí, sắp xếp lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định hiện hành, đảm bảo trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt; quan tâm công tác cán bộ, giải quyết chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng quy định hiện hành.

2. Giám đốc Sở Nội vụ: Có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Sở Tài chính: Hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát,
quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1622/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng
không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư kinh doanh (không bao gồm các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, dự án đầu tư kinh doanh theo hình thức đối tác công tư) có nhu cầu thuê đất, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối với các dự án nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo quy định này và quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong việc thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư kinh doanh

1. Tuân thủ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị đã được phê duyệt và các quy định liên quan theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các hồ sơ, giấy tờ nhà đầu tư đã nộp, được ký số, xác thực khi thực hiện thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công của tỉnh được kế thừa và tái sử dụng cho các lần giao dịch tiếp theo (chỉ cần nộp một lần nếu không có sự thay đổi). Cơ quan xử lý hồ sơ có trách nhiệm tra cứu, sử dụng Hồ sơ điện tử đã được số hóa, ký số và lưu trữ tại Cổng dịch vụ công của tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Dữ liệu tại Cổng dịch vụ công tỉnh được cập nhật, liên thông với hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

3. Cơ quan được lấy ý kiến về dự án đầu tư có trách nhiệm trả lời cơ quan lấy ý kiến trong thời hạn quy định tại Quy định này; quá thời hạn quy định mà không có ý kiến được xem là đã đồng ý với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

4. Trường hợp thủ tục hành chính liên quan đến chức năng nhiệm vụ của nhiều cơ quan thì cơ quan nhà nước được giao chủ trì xử lý không xem xét lại kết quả đã được thẩm định của các cơ quan chuyên ngành khác trừ trường hợp có chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị liên quan là thời gian giao dịch hành chính trong hệ thống lưu trữ, được theo dõi, quản lý bằng Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư là hệ thống thông tin điện tử được sử dụng để cập nhật, lưu trữ, thực hiện báo cáo, quản lý thông tin về dự án đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thông tin lưu trữ tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư được sử dụng thống nhất và xuyên suốt trong quá trình thực hiện các thủ tục về dự án đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp huyện: Gồm UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Số ngày giải quyết hồ sơ được quy định tại Quy định này được hiểu là số ngày làm việc.

Chương II **TRÌNH TỰ, NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC** **HÀNH CHÍNH**

Điều 5. Trình tự thực hiện dự án

1. Các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư và xây dựng kinh doanh do các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện giải quyết, bao gồm:

a) Bước 1. Lập, thẩm định, phê duyệt danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Bước 2. Chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (nếu có).

c) Bước 3. Lựa chọn nhà đầu tư. Thực hiện một trong các hình thức sau:

- Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án;

- Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất;

- Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa;

- Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội;

- Lựa chọn nhà đầu tư có từ hai nhà đầu tư trở lên đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án.

- Chấp thuận nhà đầu tư.

d) Bước 4. Lập quy hoạch; lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh.

đ) Bước 5. Lập các thủ tục liên quan để được giao đất, cho thuê đất; cấp phép xây dựng.

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận;

- Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Lập, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn;

- Lập, thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy;

- Lập, thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (nếu có);

- Lập, thẩm định, phê duyệt chuyển đổi đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất trồng lúa nước sang mục đích khác (nếu có).

e) Bước 6. Thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

g) Bước 7. Cấp Giấy phép xây dựng (nếu có).

h) Bước 8. Triển khai dự án.

i) Bước 9. Nghiệm thu, bàn giao, đưa dự án vào hoạt động.

k) Bước 10. Hỗ trợ, giám sát, đánh giá kết quả đầu tư.

2. Việc lập và gửi hồ sơ để giải quyết các thủ tục hành chính tại khoản 1 Điều này do tổ chức, cá nhân tự thực hiện khi có đủ năng lực hoặc thuê tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc giải quyết các thủ tục hành chính

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư, theo dõi tổng hợp các dự án đầu tư và xây dựng có mục đích kinh doanh và không sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Tổ chức thẩm định danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, danh mục các dự án có sử dụng đất trên địa bàn, trình UBND tỉnh phê duyệt. Chịu trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án; tiếp nhận thẩm định trình UBND tỉnh chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; cấp, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chuyển nhượng dự án; ngừng hoạt động dự án; chấm dứt hoạt động của dự án; thu hồi chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, hoàn trả hoặc nộp ngân sách nhà nước tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định. Tham mưu UBND tỉnh trong công tác đấu thầu, chỉ định thầu lựa chọn nhà đầu tư; phối hợp với các cơ quan có liên quan đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; thực hiện chức năng giám sát tổng thể đầu tư.

2. Sở Xây dựng hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ liên quan đến các thủ tục về: Thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng; thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo phân cấp; cấp phép xây dựng; chủ trì thẩm định điều kiện được huy động vốn để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội; kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo phân cấp.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ liên quan đến các thủ tục về: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường.

4. Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ chuyển các cơ quan, đơn vị tham mưu thực hiện theo đúng quy định.

5. Các sở ngành liên quan khác, UBND cấp huyện theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết các thủ tục cho các nhà đầu tư.

Điều 7. Một số thẩm quyền trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư theo quy định của Luật Đấu thầu. Để đảm bảo quản lý dự án đồng bộ thống nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cơ quan được giao nhiệm vụ là bên mời thầu dự án tổ chức đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư, danh mục dự án có sử dụng đất, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện là bên mời thầu, cụ thể một số nội dung như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện là bên mời thầu dự án có sử dụng đất thuộc địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị quản lý dự án sau đầu tư.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là bên mời thầu dự án có sử dụng đất trong các trường hợp: trên địa bàn từ 02 huyện trở lên, địa bàn khu đô thị mới, các dự án theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa và dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

c) Bên mời thầu dự án có sử dụng đất thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung công việc, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho ý kiến về phương pháp, nội dung xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (giá trị m_1) do bên mời thầu xác định.

5. Sở Tài chính cho ý kiến về phương pháp, nội dung tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến do bên mời thầu xác định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung: kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 8. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, dự án theo luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa

1. Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

2. Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước: Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DANH MỤC DỰ ÁN, CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ; PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Lập danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh căn cứ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, kế hoạch có liên quan khác lập danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (*theo Mẫu số 01, Phụ lục đính kèm và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư để công bố danh mục thu hút đầu tư theo thời kỳ kế hoạch 05 năm (danh mục này sẽ được cập nhật bổ sung thường xuyên). Việc lập, thẩm định, thống nhất danh mục dự án đầu tư theo thời kỳ kế hoạch 05 năm hoàn thành trong quý IV của năm cuối kỳ kế hoạch trước.

2. Thẩm định trình thống nhất danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan để tổng hợp, hoàn chỉnh danh mục dự án đầu tư báo cáo UBND tỉnh sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của các cơ quan.

3. Thống nhất danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: UBND tỉnh tổ chức làm việc để thống nhất sau khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 10. Lập, đề nghị, thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trình tự thực hiện như sau:

a) Hàng năm căn cứ danh mục dự án đầu tư đã được UBND tỉnh thống nhất tại Điều 9 Quy định này, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và UBND cấp huyện lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; thời hạn đề xuất chấp thuận chủ trương dự án nằm trong danh mục nêu trên phải hoàn thành trong 03 năm đầu của kỳ kế hoạch.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

c) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

d) Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, khoản 6 và 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

đ) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư phải quy định rõ hình thức lựa chọn nhà đầu tư và giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo Chương IV Quy định này.

2. Đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư lập, trình tự thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

c) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

d) Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, khoản 6 và 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

đ) Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư: Theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư, khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

e) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư phải quy định rõ hình thức lựa chọn nhà đầu tư và giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo Chương IV Quy định này. Trường hợp dự án đáp ứng khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư; điểm a, b khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư theo quy định.

g) Trường hợp khi thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có chuyên mục đích sử dụng rừng; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh, đồng thời đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư đề xuất chấp thuận chủ trương; nộp hồ sơ thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Điều 11 Quy định này. Sau khi có chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư.

3. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thì Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở và các pháp luật có liên quan khác.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

c) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ.

2. Thuộc thẩm quyền Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 83/2020/NĐ-CP.

Chương IV

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 12. Các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất

1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai.

2. Các cơ sở nhà đất thuộc nhà nước quản lý.

Điều 13. Trình tự thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất

Trình tự thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 14. Trình tự triển khai dự án sau khi có kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất

Sau khi trúng đấu giá, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này; trừ các thủ tục lập quy hoạch chi tiết, bồi thường hỗ trợ tái định cư, trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Mục 2**LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT****Điều 15. Điều kiện xác định dự án**

1. Thuộc các dự án quy định tại khoản 1 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP mà không sử dụng vốn đầu tư công để xây dựng công trình. Dự án xây dựng khu đô thị, nhà ở thương mại; trụ sở văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ được phân loại theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp dự án có nhiều công năng, dự án đầu tư có sử dụng đất được xác định căn cứ công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, thuộc khu đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng mà sẽ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư được chấp thuận.

3. Thuộc chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị.

4. Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật.

5. Không đủ điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 và Điều 26 của Luật Đấu thầu.

Điều 16. Các trường hợp không được tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất khi công bố danh mục dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư đã được giao thực hiện dự án có sử dụng đất, mặt nước trên địa bàn tỉnh nhưng dự án đã bị chấm dứt hoạt động chưa quá 02 năm kể từ ngày dự án bị chấm dứt hoạt động.

2. Đang trong quá trình giải thể; bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

3. Đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

4. Vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án.

Điều 17. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án có sử dụng đất

1. Tổng hợp vào danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: Thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Lập danh danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: Thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Phê duyệt danh mục dự án: Thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

4. Công bố danh mục dự án:

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin dự án lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không muộn hơn 07 ngày (bảy ngày) làm việc, kể từ ngày danh mục dự án được phê duyệt.

b) Ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm a nêu trên, thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất phải được đăng tải với ngôn ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) đối với dự án phải thực hiện đấu thầu quốc tế được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

c) Nội dung công bố thông tin:

- Thông báo mời quan tâm, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các thông tin khác (nếu cần thiết).

Điều 18. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc nộp trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (trường hợp Hệ thống chưa hoàn thiện để có thể nộp hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia), căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Quy định này.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ năng lực, kinh nghiệm và đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất là 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày danh mục dự án được đăng tải. Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

4. Căn cứ kết quả đánh giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong hai trường hợp sau:

a) Trường hợp có từ hai (02) nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy định này; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện là bên mời thầu theo khoản 3 Điều 7 Quy định này;

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định thực hiện theo một trong hai phương án như sau:

- Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ trình chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP nếu quá trình tổ chức đã bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;

- Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án. Thời gian gia hạn do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, bảo đảm đủ thời gian cần thiết cho các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án nhằm tăng tính cạnh tranh. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Sau khi gia hạn, trường hợp có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này. Trường hợp không có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo phương án 1.

Điều 19. Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 nêu trên, bên mời thầu lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 20. Trình tự thủ tục đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư

1. Quy trình chi tiết thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

a) Căn cứ danh mục dự án cần lựa chọn nhà đầu tư được công bố theo quy định; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng và quy định của pháp luật liên quan, Bên mời thầu lập Hồ sơ mời thầu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt bằng văn bản. Việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung hồ sơ mời thầu: Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT; trong đó, giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3) là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong quá trình thực hiện, bên mời thầu xác định các thông số đầu vào để tính toán giá trị m_3 theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT bảo đảm công bằng, minh bạch, khách quan, khoa học, khả thi, không gây bất lợi cho các bên tham gia và khai thác hiệu quả sử dụng đất, tránh thất thoát ngân sách nhà nước. Trong quá trình thẩm định hồ sơ mời thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định giá trị m_3 do bên mời thầu đề xuất.

c) Thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;
- Dự thảo hồ sơ mời thầu;
- Bản chụp các tài liệu: quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư và các tài liệu khác có liên quan.

d) Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu được quy định cụ thể tại Điều 48 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ và Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT.

3. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư:

a) Hồ sơ mời thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà đầu tư khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Dự án thuộc danh mục được công bố theo quy định; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt; hồ sơ mời thầu được phê duyệt; thông báo mời thầu được đăng tải theo quy định.

- Có quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Việc mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được thực hiện theo quy định sau đây:

- Mời thầu: Thông báo mời thầu được đăng tải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

- Phát hành hồ sơ mời thầu: Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu; Đối với nhà đầu tư liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hồ sơ mời thầu.

c) Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được mở theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, bao gồm cả trường hợp chỉ có một nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu.

4. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

b) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

c) Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về kỹ thuật.

d) Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

5. Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được phê duyệt bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Bên mời thầu phải thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu, trong đó mời các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

6. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại: thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

7. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại: thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

8. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu: nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hồ sơ dự thầu hợp lệ;

b) Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;

c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;

d) Có giá trị đề nghị trúng thầu bao gồm các thành phần đáp ứng yêu cầu sau:

- Có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (m_1) không thấp hơn m_1 được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu.

- Có đề xuất giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m_2) không thấp hơn m_2 được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu.

- Có đề xuất giá trị nộp ngân sách Nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (m_3) không thấp hơn giá sàn và cao nhất.

9. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

10. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

11. Ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án: thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; khoản 8, Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

12. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất: thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; khoản 9 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

13. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 3

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN THEO PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH, PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA

Điều 21. Điều kiện xác định dự án

1. Dự án theo quy định của luật chuyên ngành cần phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

2. Dự án được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 27/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 22. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án

1. Lập, phê duyệt danh mục dự án: Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án.

2. Công bố danh mục dự án: Thực hiện theo khoản 4 Điều 17 Quy định này.

Điều 23. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc nộp trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (trường hợp Hệ thống chưa hoàn thiện để có thể nộp hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia) căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Quy định này.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án là 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày danh mục dự án được đăng tải. Hết thời hạn nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

4. Căn cứ kết quả đánh giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong hai trường hợp sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu áp dụng quy trình đấu thầu rộng rãi theo hình thức quy định tại Điều 8 và quy trình chi tiết theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 20 Quy định này; giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện là bên mời thầu theo khoản 3 Điều 7 Quy định này;

b) Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ trình chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mục 6 chương IV Quy định này.

c) Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án.

5. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 4**LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI****Điều 24. Trình tự thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội**

Quy định lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngoài vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 25. Trình tự triển khai dự án nhà ở xã hội sau khi có kết quả lựa chọn chủ đầu tư

Sau khi có kết quả lựa chọn chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 5**LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHI CÓ TỪ HAI NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN MỘT ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN****Điều 26. Điều kiện xác định dự án**

1. Dự án không thuộc diện lựa chọn được nhà đầu tư theo quy định tại mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 Chương IV Quy định này.

2. Dự án không thuộc khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư; khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai và thực hiện trên khu đất không có hoặc có một phần đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng diện tích đất không đủ điều kiện để tách thành dự án độc lập (trừ trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất phù hợp với quy hoạch được duyệt).

Điều 27. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án

1. Lập, phê duyệt danh mục dự án: Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án

2. Công bố danh mục dự án: Thực hiện theo khoản 4 Điều 17 Quy định này

Điều 28. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc nộp trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (trường hợp Hệ thống chưa hoàn thiện để có thể nộp hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia) căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy định này.

2. Hồ sơ quan tâm thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày danh mục dự án được đăng tải. Hết thời hạn nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

4. Căn cứ kết quả đánh giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong hai trường hợp sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu áp dụng quy trình đấu thầu rộng rãi theo hình thức quy định tại Điều 8 và quy trình chi tiết theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 20 Quy định này; giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện là bên mời thầu theo khoản 3 Điều 7 Quy định này;

b) Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ trình chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mục 6 Chương IV Quy định này.

c) Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án.

5. Trường hợp dự án đầu tư mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm: Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

6. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 6

CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 29. Điều kiện xác định dự án

1. Dự án thuộc khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư; khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Dự án không lựa chọn được nhà đầu tư theo quy định tại mục 1, mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 Chương IV Quy định này.

Điều 30. Chấp thuận nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư lập hồ sơ chấp thuận nhà đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

4. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận nhà đầu tư: Theo khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Điều 31. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Điều kiện xác định dự án: Theo quy định tại Điều 37, khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 32. Thành lập doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định, nhà đầu tư thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc thành lập tổ chức kinh tế khác theo quy định.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 33. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Điều kiện xác định dự án: Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 41 Luật Đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 34. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 35. Chuyển nhượng dự án

1. Điều kiện xác định dự án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

3. Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư việc chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Ngừng hoạt động của dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư tự quyết định ngừng hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Đầu tư: Trình tự thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư: Trình tự thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 37. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư: Trình tự thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư: Trình tự thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư: Trình tự thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

4. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư: Trình tự thực hiện quy định tại Điều 58 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

5. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư: Trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 38. Đảm bảo thực hiện dự án

1. Điều kiện xác định dự án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Đầu tư và theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện ký quỹ, hoàn trả, tịch thu tiền ký quỹ: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương V**LẬP QUY HOẠCH; LẬP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ,
TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, THUÊ QUYỀN
SỬ DỤNG ĐẤT, NHẬN GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ SẢN XUẤT, KINH DOANH****Điều 39. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng**

1. Nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng đất có diện tích từ 05 ha trở lên. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng đất có diện tích nhỏ hơn 5 ha (hoặc nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) tại các khu vực đã có quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng khu chức năng, nhà đầu tư có thể lập quy hoạch tổng mặt bằng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ:

a) Sở Xây dựng (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh) tiếp nhận hồ sơ đối với các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

b) UBND cấp huyện (Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện) nơi có dự án tiếp nhận hồ sơ đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

4. Đối với các dự án có quy mô nhỏ hơn 05 ha và nhà ở chung cư có quy mô nhỏ hơn 02 ha, không phải lập quy hoạch chi tiết; các chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng về phương án tổng mặt bằng trước khi phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 40. Trình tự thủ tục thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 41. Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh (trường hợp nhà nước không thu hồi đất)

Nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Chương VI

**LẬP CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐỂ ĐƯỢC GIAO ĐẤT,
CHO THUÊ ĐẤT**

Điều 42. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh) xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các đối tượng quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường.

b) UBND cấp huyện (Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện) xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ.

Điều 43. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ.

Điều 44. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của các Bộ ngành

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

Điều 45. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi được thực hiện đối với toàn bộ dự án, từng dự án thành phần, từng công trình xây dựng hoặc một số công trình xây dựng theo giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư của dự án nhưng phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các kết quả thẩm định và phù hợp với tiến độ dự án tại quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án.

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ (cơ quan chủ trì thẩm định): Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị có yêu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp (trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo phân cấp hiện hành).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 46. Thẩm duyệt hoặc cho ý kiến phòng cháy chữa cháy

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Các cơ quan tại khoản 1 Điều 45 Quy định này, có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật và chuyển cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cho ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy hoặc thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 47. Cung cấp thông tin, thỏa thuận về cấp nước, thoát nước, cấp điện

1. Nhà đầu tư liên hệ trực tiếp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để được hướng dẫn đầu nối hạ tầng kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị: Đối với các dự án trong khu đô thị mới An Vân Dương;

b) Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế: Đối với thủ tục đầu nối hệ thống cấp nước;

c) UBND cấp huyện: Đối với thủ tục đầu nối hệ thống thoát nước;

d) Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế: Đối với thủ tục đầu nối hệ thống cấp điện.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Điều 48. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (áp dụng đối với công trình thuộc dự án được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn)

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ (cơ quan chủ trì thẩm định): Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP theo phân cấp (trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo phân cấp hiện hành).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 49. Thẩm duyệt, hồ sơ, thời gian thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Các cơ quan tại khoản 1 Điều 48 Quy định này, có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và chuyển cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế thẩm định theo quy định.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 50. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác; Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ.

2. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Trình tự, thủ tục quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Lâm nghiệp và Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 51. Đăng ký công trình, dự án có chuyển đổi đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất trồng lúa nước sang mục đích khác; nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp

Việc thực hiện đăng ký các công trình, dự án có chuyển đổi đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất trồng lúa nước sang mục đích khác được thực hiện theo Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự thực hiện đăng ký các công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG VII GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 52. Trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

1. Đối với các dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất: Sau khi thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất và hoàn thành thủ tục trồng rừng thay thế, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 50 Quy định này (nếu có) nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất như sau:

a) Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp huyện (Trung tâm hành chính công cấp huyện).

- Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

b) Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

- Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

2. Đối với các dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, sẽ thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau khi nhà đầu tư thực hiện xong việc bồi thường giải phóng mặt bằng. Trình tự thủ tục thực hiện như sau:

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 53. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG VIII CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Điều 54. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ

1. Sở Xây dựng (qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) theo Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. UBND cấp huyện (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện) theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 55. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết

Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

CHƯƠNG IX TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Điều 56. Xây dựng kế hoạch triển khai dự án

Nhà đầu tư lập kế hoạch triển khai xây dựng dự án theo từng hạng mục tương ứng với chi phí đầu tư của các hạng mục, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành địa phương có liên quan để giám sát quá trình triển khai dự án.

Điều 57. Báo cáo kết quả triển khai dự án

Định kỳ hàng tháng, quý, năm nhà đầu tư báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành địa phương.

CHƯƠNG X**NGHIỆM THU, BÀN GIAO, ĐƯA DỰ ÁN VÀO HOẠT ĐỘNG****Điều 58. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp của UBND tỉnh (Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện theo phân cấp), quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng cụ thể như sau:

a) Đối tượng áp dụng: Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Phụ lục X, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện theo phân cấp.

c) Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra trong quá trình thi công, khi hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

2. Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy khi hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (nếu có); thực hiện theo Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy trình phối hợp, kiểm tra, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh) cụ thể như sau:

a) Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

Điều 59. Xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án (nếu có)

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường (bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên công thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận.

CHƯƠNG XI**HỖ TRỢ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ****Điều 60. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đầu tư**

1. Đối với các dự án sau khi được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

2. Đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất thực hiện dự án, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá, cơ quan được giao tổ chức đấu giá chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

3. Đối với dự án thuộc diện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu thầu, cơ quan được giao bên mời thầu chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

4. Đối với dự án nhà ở xã hội, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kết quả chủ đầu tư, cơ quan được giao bên mời chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

Điều 61. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ đầu tư

1. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này, tổ chức kiểm tra hoặc tự tổ chức giám sát hỗ trợ đầu tư đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, phê duyệt kết quả trúng đấu giá, đấu thầu trên địa bàn tỉnh; xử lý vi phạm hoặc đề xuất xử lý theo đúng quy định. Nội dung giám sát hỗ trợ, chế độ báo cáo, thời hạn báo cáo, nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Sở Xây dựng hoặc cơ quan được phân cấp căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện liên quan thực hiện công tác giám sát, kiểm tra quản lý và hướng dẫn chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện xây dựng theo quy hoạch, kiến trúc được duyệt; quản lý chất lượng công trình xây dựng, trật tự xây dựng theo phân cấp; bàn giao và bảo hành, bảo trì công trình; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất các dự án đầu tư xây dựng; xử lý vi phạm, hoặc đề xuất xử lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan được phân cấp căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện liên quan thực hiện công tác giám sát, kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng đất đai, việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các dự án; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất các dự án đầu tư xây dựng; xử lý vi phạm, hoặc đề xuất xử lý.

4. Các sở ngành liên quan khác theo chức năng nhiệm vụ được phân công căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này tổ chức giám sát, kiểm tra theo quy định.

5. UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước toàn diện về đầu tư tại địa phương đối với các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn; căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này theo dõi, giám sát việc thực hiện, chất lượng các dự án trên địa bàn quản lý.

6. Các đơn vị được giao là bên mời thầu căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 56 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 60 Quy định này, căn cứ hợp đồng ký kết tổ chức việc giám sát, kiểm tra các dự án báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 62. Hình thức tổ chức giám sát và chế độ báo cáo

1. Đối với các dự án thuộc trường hợp đơn đốc hỗ trợ nằm trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định kỳ 6 tháng, hàng năm Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát. Đối với các dự án thuộc trường hợp rà soát thu hồi và giám sát đặc biệt nằm trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định kỳ hàng quý Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập đoàn liên ngành tổ chức giám sát. Trường hợp đặc biệt, đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, các cơ quan tổ chức thực hiện giám sát theo chỉ đạo.

2. Quá trình giám sát đầu tư dự án và kết quả thực hiện phải được các cơ quan chức năng liên quan cập nhật thường xuyên và kịp thời trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư. Nội dung tổ chức giám sát theo các Mẫu số 08, 09, 10, Phụ lục đính kèm Quy định này.

Chương XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 63. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư và theo quy định tại Điều 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130 Mục 2 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 64. Công khai thông tin đầu tư

1. Các thông tin liên quan thu hút đầu tư phải được công khai đảm bảo nguyên tắc “mọi lúc, mọi nơi” phù hợp quy định, trình tự lựa chọn nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư, các cơ quan chức năng có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 65. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ liên hệ với cơ quan chủ trì thụ lý hồ sơ mà không phải liên hệ với các cơ quan khác để được giải quyết trong thời gian quy định.

2. Nhà đầu tư có thể thực hiện các thủ tục hành chính song song và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung hồ sơ, dự án do mình lập và nộp tại các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp các thông tin về quy hoạch, về ưu đãi đầu tư; được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo đúng quy định của nhà nước. Sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện việc xem xét thẩm định hồ sơ theo đúng thời hạn quy định. Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư được quyền đề nghị các cơ quan chức năng phối hợp xử lý các vấn đề khó khăn vướng mắc.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật, đúng theo tiến độ đăng ký. Sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

Đối với các dự án đã đi vào hoạt động, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

5. Nhà đầu tư gửi báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 66. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, hướng dẫn cụ thể; kịp thời xử lý các vướng mắc và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, triển khai thực hiện dự án; phối hợp với cơ quan chủ trì, khi cần thiết phải có ý kiến bằng văn bản trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn do mình phụ trách.

2. Việc chia sẻ thông tin liên quan đến hồ sơ dự án đầu tư được cập nhật và khai thác tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

3. Các cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ, cơ quan phối hợp và cơ quan phê duyệt có trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư theo cơ chế một cửa theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cử đại diện có chuyên môn tham dự các cuộc họp thẩm định, giải quyết các nội dung liên quan đến dự án đầu tư theo giấy mời; trên cơ sở nội dung thảo luận tại cuộc họp, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì họp. Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, sau thời gian quy định, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản gửi cơ quan chủ trì.

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Quy định này nghiên cứu ban hành lưu đồ hướng dẫn các bước thực hiện để công bố trên trang thông tin điện tử.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp vấn đề vướng mắc, các nhà đầu tư, các tổ chức liên quan kịp thời gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Mẫu số 01 Đề xuất phê duyệt Danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư
- Mẫu số 02 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Xây dựng
- Mẫu số 03 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường
- Mẫu số 04 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định về công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ
- Mẫu số 05 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của các sở, ngành (trừ Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ)
- Mẫu số 06 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện
- Mẫu số 07 Văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan đầu mối
- Mẫu số 08 Nội dung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công
- Mẫu số 09 Nội dung giám sát, đánh giá định kỳ dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư
- Mẫu số 10 Nội dung giám sát, đánh giá dự án trước khi khai thác, vận hành

Mẫu số 01**TÊN CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:/.....-.....
V/v đề xuất danh mục dự án
kêu gọi đầu tư trên địa bàn
.... giai đoạn....

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ pháp lý về quy hoạch:

- Căn cứ quy hoạch.....
- Căn cứ quy hoạch.....
- Căn cứ quy hoạch.....

Căn cứ tình hình nhu cầu phát triển của ngành, địa phương; Sở...../UBND (huyện, thị xã, thành phố)..... đã xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn..... thông tin cụ thể theo danh mục sau:

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích dự kiến sử dụng đất (m ²)	Mục tiêu đầu tư dự án	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Sự phù hợp các quy hoạch	Ghi chú
1	Tên dự án 1							
2	Tên dự án 2							
3	Tên dự án							

Kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt danh mục dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh báo cáo;
-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....-.....
 V/v ý kiến thẩm định dự án
 đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ngày...., Sở Xây dựng nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất ... , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng:..... (nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với các quy hoạch xây dựng trên địa bàn).

2. Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị.

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư.

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất).

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của ngành;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
V/v ý kiến thẩm định dự án
đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ngày....., Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc nhà đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nhu cầu sử dụng đất (bao gồm sự phù hợp về quy mô diện tích đất dự kiến thực hiện dự án của nhà đầu tư); điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đối với các dự án thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất);

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

5. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc sử dụng đất và triển khai thực hiện dự án.

(kèm theo bản đồ trích lục khu đất thực hiện dự án)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:/.....-.....
V/v ý kiến thẩm định dự án ...

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày....., Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại của nhà đầu tư..... Cơ quan thẩm định có ý kiến thẩm định như sau:

1. Tóm tắt dự án đầu tư

Cần nêu một số nội dung cơ bản nhất sau đây trong phần đầu của Văn bản thẩm định:

- 1.1. Mục tiêu dự án đầu tư.
- 1.2. Tổng vốn đầu tư
- 1.3. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư (vị trí, diện tích ...).

2. Nhận xét về dự án đầu tư**2.1. Về cơ sở khoa học của dự án:**

Với mục tiêu nêu ở phần trên, cần đối chiếu với chủ trương, chính sách, quy hoạch của nhà nước xem có cần thiết, có phù hợp không và xem xét ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án để đưa ra chính kiến của Cơ quan thẩm định công nghệ là ủng hộ hay phản đối mục tiêu của dự án. Có nhiều mức độ khác nhau để thể hiện chính kiến:

- Các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học của dự án đầu tư.
- Nếu dự án thuộc loại đặc biệt khuyến khích đầu tư, thực hiện thì trong bản nhận xét cần thể hiện cơ quan tổ chức thẩm định hoàn toàn nhất trí với mục tiêu của dự án và đề nghị dự án sớm được thực hiện.
- Nếu dự án thuộc loại khuyến khích đầu tư, thực hiện thì trong bản nhận xét cần thể hiện sự ủng hộ của cơ quan tổ chức thẩm định qua việc nhận xét dự án nên được khuyến khích đầu tư.
- Nếu dự án thuộc các loại trên nhưng có những điểm cần lưu ý thì trong Văn bản thể hiện sự đồng ý với mục tiêu của dự án và lưu ý các vấn đề cần bổ sung, làm rõ.
- Nếu dự án thuộc loại đầu tư có điều kiện thì cần thận trọng khi góp ý kiến và phải xem xét kỹ dự án có thỏa mãn các điều kiện theo quy định hay không để có ý kiến trong từng trường hợp cụ thể.
- Nếu dự án không phù hợp với các chủ trương, chính sách, quy hoạch của Nhà nước thì cần tỏ rõ chính kiến không đồng ý với mục tiêu của dự án đầu tư.

2.2. Về công nghệ và thiết bị:

2.2.1. Về công nghệ:

- Nêu rõ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Nêu tóm tắt công nghệ của dự án: Quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ ...

- Nhận xét trực tiếp về công nghệ: Sự hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính mới của công nghệ, tính thích hợp của công nghệ, phương án lựa chọn công nghệ.

- Nhận xét những yếu tố gián tiếp của công nghệ: Về nguyên nhiên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ,...

- Nếu có nội dung chuyển giao công nghệ thì lưu ý chủ đầu tư cần thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ. Trong trường hợp nếu dự án đầu tư có góp vốn bằng công nghệ thì cần xem xét dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ có phù hợp với quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ không?

2.2.2. Về thiết bị:

Nêu nhận xét về thiết bị sử dụng trong dự án: Dây chuyền thiết bị có phù hợp với mục tiêu của dự án không? có đồng bộ không? Thiết bị của dự án là mới hay cũ?

Nếu dự án đầu tư có liệt kê danh sách máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng dự kiến nhập khẩu, cần có nhận xét về các nội dung: mức độ cũ của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ (năm sản xuất, thời gian đã sử dụng, thời gian sử dụng còn lại, ...); Nguồn gốc, xuất xứ của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; sự phù hợp của các đặc tính kỹ thuật chính của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng với các quy định về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2.3. Về những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...), tư cách pháp nhân của chủ đầu tư.

- Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường và các giải pháp công nghệ xử lý môi trường, các nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường và cách phòng ngừa.

- Lao động và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật bảo đảm vận hành dây chuyền công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:/.....-.....
V/v ý kiến thẩm định dự án
đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày....., Sở, ngành có nhận được Văn bản số..... của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại.....của nhà đầu tư....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở,..... có ý kiến như sau như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch ngành:..... *(nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với quy hoạch ngành thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thẩm định).*

2. Sự phù hợp nội dung dự án với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, điều kiện của ngành *(nếu có hoặc cần thiết);*

3. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, vốn chủ sở hữu, hoàn vốn, trả nợ...).

4. Các nội dung khác có liên quan.

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư *(trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất);*

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư và dự án đầu tư *(trường hợp dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì phải nêu rõ điều kiện, yêu cầu nhà đầu tư, dự án đầu tư phải đáp ứng, thời điểm thực hiện các điều kiện, cơ quan thẩm định cấp giấy phép điều kiện...).*

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06**ỦY BAN NHÂN DÂN.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:/.....-.....
V/v ý kiến thẩm định dự án
đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ngày....., Ủy ban nhân dân..... có nhận được Văn bản số của cơ quan đầu mối về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, UBND..... báo cáo như sau:

1. Báo cáo về hiện trạng sử dụng đất: trong đó phải báo cáo rõ nguồn gốc đất đai, hiện trạng đang được sử dụng (nêu rõ diện tích khu đất, đối tượng sử dụng đất, các công trình, vật kiến trúc, tài sản trên đất...), đấu nối hạ tầng..;

2. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương:...(nêu rõ sự phù hợp của dự án với từng loại quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương).

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án đối với sự phát triển của địa phương;

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do kiến nghị, đề xuất);

- Kiến nghị về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 07**CƠ QUAN TỔNG HỢP
THẨM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....-.....

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

V/v báo cáo kết quả thẩm định
dự án đầu tư

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ.....;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có);

Căn cứ ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, địa phương tại các văn bản.....

Cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án (nếu có)

Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Phải ghi rõ họ tên; ngày tháng năm sinh; số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại; số điện thoại liên lạc; địa chỉ email).

Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Ghi rõ tên tổ chức; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, cơ quan cấp; địa chỉ trụ sở chính, điện thoại liên lạc, địa chỉ email; họ và tên người đại diện theo pháp luật, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại, số điện thoại, địa chỉ email; ngành nghề kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức.

II. Nội dung dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

6.1. Vốn góp để thực hiện dự án là: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.

Tiền độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

(VD: Công ty TNHH A góp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tương đương 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 40% vốn góp, trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

6.2. Vốn huy động (*ghi rõ giá trị, nguồn vốn*):(*bằng chữ*) đồng, tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

6.3. Vốn khác:(*bằng chữ*) đồng, tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:

- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (*nếu có*):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (*trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn*).

9. Công nghệ áp dụng (*nếu có*):

10. Các nội dung khác có liên quan:

10. Các kiến nghị và cam kết của nhà đầu tư:

III. Các đơn vị được lấy ý kiến thẩm định:

- Đơn vị được lấy ý kiến thẩm định:

- Đơn vị có văn bản thẩm định:

Trường hợp đến hết thời hạn xin ý kiến cơ quan thẩm định không có ý kiến bằng văn bản thì được coi là đồng ý với các nội dung của dự án và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương mình.

IV. Tổng hợp kết quả thẩm định

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các cơ quan liên quan, cơ quan đầu mối thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định gồm các nội dung sau:

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, kế hoạch có liên quan khác;

2. Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

3. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

4. Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

5. Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư);

6. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án;

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

V. Nhận xét và kiến nghị:

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và nội dung dự án đề xuất, cơ quan đầu mối thẩm định đưa ra ý kiến đánh giá, nhận xét chung và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư.

Trường hợp đề xuất quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đầu mối thẩm định dự thảo quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo mẫu quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẦU MỐI
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08**I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN****1. Nhà đầu tư**

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án):

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (*địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...*):
- Đăng ký kinh doanh (*số, ngày, nơi cấp*):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (nếu có):

3. Dự án đầu tư:

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- Diện tích đất sử dụng:
- Mục tiêu, quy mô:
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:
- Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án:
- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. TÌNH HÌNH CHUẨN BỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN**1. Tình hình và khả năng huy động vốn cho dự án:**

- Việc góp vốn chủ sở hữu:
- Việc huy động vốn vay:
- Việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có):

2. Tình hình chuẩn bị thực hiện dự án:

a) Thực hiện thủ tục về giao đất, giao lại đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được nhà nước giao đất, giao lại đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

b) Công tác GPMB và tái định cư (nếu có);

c) Thực hiện thủ tục về xây dựng, môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng, môi trường (nếu có).

3. Các vướng mắc phát sinh (nếu có):**III. KIẾN NGHỊ**

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09**I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

Ghi nội dung quy định tại phần I mẫu số 12.

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần vào kỳ đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi dự án được điều chỉnh làm thay đổi các thông tin về dự án).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:**

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

STT	Loại vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn điều lệ		
3	Vốn pháp định		

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		
4	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

5. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10**I. THÔNG TIN DỰ ÁN**

Ghi các nội dung quy định tại phần I của mẫu số 12.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh*):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp;
- Những mục tiêu về quy mô;
- Những mục tiêu khác.

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu*):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác, mua, thuê máy móc thiết bị trả chậm):

- Nguồn nguyên liệu;
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ;
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác.

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ, chính sách, thủ tục hành chính...; sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước*):

- Tiến độ chuẩn bị dự án;
- Tiến độ giải phóng mặt bằng;
- Tiến độ xây dựng;
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử;
- Tiến độ huy động vốn.

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (*nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh*).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT

(Ký tên, đóng dấu)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1370/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án), như sau:

1. Hợp nhất Phòng Kế hoạch và Phòng Giải phóng mặt bằng thành Phòng Kế hoạch - Giải phóng mặt bằng.

2. Sau khi tổ chức lại, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế có cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, gồm:

a) Phòng Kế toán tổng hợp;

b) Phòng Tư vấn giám sát;

c) Phòng Thẩm định;

d) Phòng Kế hoạch - Giải phóng mặt bằng.

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, Giám đốc Ban Quản lý dự án được quyết định thành lập các khối quản lý dự án và các bộ phận giúp việc gồm Ban điều hành dự án, Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ giải phóng mặt bằng... theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nhân sự của khối quản lý dự án được lấy từ các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các bộ phận giúp việc của Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ điểm b khoản 1 Mục III Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định 263/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1371/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ
thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Đài) như sau:

1. Hợp nhất “Phòng Văn nghệ và Giải trí” và “Phòng Chuyên đề và Khoa giáo” thành “Phòng Văn nghệ - Khoa giáo”.

2. Hợp nhất “Phòng Biên tập” và “Phòng Phát thanh và Thông tin điện tử” thành “Phòng Thư ký Biên tập”.

3. Hợp nhất “Phòng Dịch vụ và Quảng cáo” và “Phòng Kế hoạch và Tài vụ” thành “Phòng Tài chính - Dịch vụ quảng cáo”.

4. Đổi tên “Phòng Thời sự” thành “Phòng Thời sự - Chuyên đề”.

5. Sau khi tổ chức lại, Đài có cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau:

- a) Phòng Tổ chức và Hành chính;
- b) Phòng Kỹ thuật và Công nghệ;
- c) Phòng Thời sự - Chuyên đề;
- d) Phòng Văn nghệ - Khoa giáo;
- đ) Phòng Thư ký Biên tập;
- e) Phòng Tài chính - Dịch vụ quảng cáo.

Tùy theo đặc điểm và yêu cầu thực tế của địa phương, Giám đốc Đài phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc khác theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp (nếu có) trực thuộc Đài thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, Giám đốc Đài có trách nhiệm xây dựng quy chế làm việc, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Điều b Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.